TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 32/2017/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 19 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 49/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trường L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn Chí C, xã Cư A, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn Chí C, xã Cư A, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Trường L và bà Nguyễn Thị Mỹ L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con: Ông Nguyễn Trường L và bà Nguyễn Thị Mỹ L có 02 con chung tên Nguyễn Anh D, sinh ngày 04/6/1998 và Nguyễn Ái D, sinh ngày 01/11/2000. Hiện nay con Nguyễn Anh D đã trưởng thành có thể tự lo cho cuộc sống.

Giao cho ông Nguyễn Trường L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Ái D, sinh ngày 01/11/2000 đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình kể từ ngày 11/12 2017.

Bà Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông Nguyễn Trường L.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Mỹ L có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Nếu bà Nguyễn Thị Mỹ L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì ông L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích cho ông Nguyễn Trường L biết quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của người trực tiếp nuôi con nhưng ông L vẫn không yêu cầu bà T phải cấp dưỡng nuôi con, vì vậy, hiện tại bà T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Thuận tình ly hôn các đương sự chỉ phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng, trong đó ông L phải chịu 75.000 đồng và bà T phải chịu 75.000 đồng. Ông L tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí là 150.000 đồng cả phần của bà T nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004221 ngày 07/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho ông L số tiền 300.000 đồng - 150.000 đồng = 150.000 đồng chênh lệch

Trong trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Cư A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Đức